

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên họp: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Thom - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1983; nơi ĐKKTT: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Hà Nam và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987; nơi ĐKKTT: Thị trấn T, huyện T1, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Nhật Bản, tỉnh A, huyện C, xã M, số 24-1 (đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị V ủy quyền cho anh Đỗ Văn K giao, nhận giấy tờ, tài liệu và văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Đỗ Văn K ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam giao, nhận giấy tờ, tài liệu và văn bản tố tụng của Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu xây dựng hạnh phúc gia đình và đăng ký kết hôn ngày 11/01/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T2 (nay là UBND thị trấn T), huyện T1, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2011, quyền số 01

và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào cuối năm 2010 âm lịch. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xảy ra tranh cãi. Vợ chồng đã cố gắng tự hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 6/2018, chị V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng đã sống ly thân 5 năm. Nay anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V đều xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V thỏa thuận anh Đỗ Văn K là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, nộp thay cho cả chị Nguyễn Thị V.

Tại phiên họp: Người yêu cầu là anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 38; Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 55, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị. Anh Đỗ Văn K phải nộp toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; chị Nguyễn Thị V hiện nay đang ở Nhật Bản. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/01/2011 tại UBND xã T2 (nay là UBND thị trấn T), huyện T1, tỉnh Hà Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh K, chị V chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh K, chị V đã cố gắng hàn gắn tình cảm và được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Tháng 6/2018, chị V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh K, chị V không liên lạc với nhau; anh chị đã sống ly thân 5 năm. Nay anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V xác định không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V là anh Đỗ Văn K là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, nộp thay cả phần chị Nguyễn Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; khoản 2 Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 365; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Thị V, anh Đỗ Văn K nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001462, ngày 13/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, anh Đỗ Văn K đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Tâm